

CỤC QUẢN LÝ XDCT

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2007

BÁO CÁO**Về công tác thủy lợi phục vụ phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững
vùng đồng bằng sông Cửu Long****I. Khái quát tiềm năng và thực trạng nuôi trồng thủy sản vùng đồng bằng sông Cửu Long****1. Tiềm năng nuôi trồng thủy sản**

Đồng bằng sông Cửu Long gồm 13 tỉnh, thành phố, là một vùng đất thấp, khá bằng phẳng, đặc trưng bởi hoạt động tương tác mạnh và đan xen giữa các hệ nước mặn với nước ngọt trên một không gian rộng lớn. Toàn vùng có 22 cửa sông, lạch lớn, nhỏ với diện tích vùng triều khoảng 800.000 ha, trong đó diện tích bãi triều cao trên khoảng 70 – 80%. Mùa khô, độ mặn ven bờ cao 20 -30‰, mùa mưa 5 – 20‰, thâm nhập mặn theo các nhánh sông vào nội đồng nhiều nơi đến 40 – 60 km. Diện tích tự nhiên của đồng bằng sông Cửu Long khoảng 4 triệu ha, chiếm khoảng 12% diện tích của cả nước, trong đó có 3,8 triệu ha đất nông nghiệp, chiếm 31,46% diện tích đất nông nghiệp của cả nước. Vùng đồng bằng sông Cửu Long có tiềm năng để phát triển nuôi trồng thủy sản trên cả 3 loại hình mặt nước: nước mặn, nước lợ, nước ngọt. Đến năm 2005, tổng diện tích có khả năng nuôi trồng thủy sản khoảng 1, 37 triệu ha; trong đó diện tích có khả năng nuôi trồng thủy sản mặn, lợ là 896.571 ha, chiếm 90% tổng diện tích có khả năng nuôi trồng thủy sản mặn lợ của cả nước; diện tích có khả năng nuôi trồng thủy sản vùng bãi triều khoảng 157.174 ha; diện tích có khả năng nuôi trồng thủy sản nước ngọt khoảng 477.741 ha, bằng 52% diện tích nuôi nước ngọt của cả nước.

Thực hiện Nghị quyết 09/2000/NQ-CP ngày 15/6/2000 của Chính phủ về một số chủ trương về chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, trong giai đoạn 2001-2005, thông qua Nghị quyết 21-NQ/TW của Bộ Chính trị và Quyết định số 173/2001/QĐ-TTg ngày 06/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2001-2005, đồng bằng sông Cửu Long đã chuyển dịch cơ cấu đất nông nghiệp sản xuất kém hiệu quả sang phát triển nuôi trồng thủy sản khá mạnh, tạo điều kiện cho ngành thủy sản vùng đồng bằng sông Cửu Long trở thành ngành sản xuất hàng hoá lớn, mạng hiệu quả kinh tế - xã hội cao, góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế các vùng nông thôn ven biển; giải quyết việc làm, tăng thu nhập, góp phần xoá đói giảm nghèo trong cộng đồng ngư dân và đã thu hút được sự quan tâm phát triển của nhiều thành phần kinh tế. Và thực tế, trong những năm qua, vùng đồng bằng sông Cửu Long đã trở thành vùng trọng điểm phát triển thủy sản nói chung và phát triển nuôi trồng thủy sản nói riêng của cả nước, đóng góp 55 – 70% sản lượng và giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản cả nước.

2. Thực trạng về nuôi trồng thủy sản

2.1 Những kết quả đạt được

Trong giai đoạn 2001-2005, nuôi trồng thủy sản vùng đồng bằng sông Cửu Long phát triển mạnh mẽ cả về diện tích và đối tượng nuôi; trong đó các đối tượng nuôi trồng thủy sản chủ yếu vẫn là tôm sú, tôm càng xanh, cá da trơn. Hiện nay, chủ yếu phát triển nuôi theo phương thức quảng canh cải tiến và nuôi trồng thủy sản kết hợp hoặc luân canh với lúa. Thí dụ, nuôi tôm sú quảng canh cải tiến chiếm 48,86% diện tích nuôi của cả vùng, diện tích nuôi thâm canh và bán thâm canh chỉ chiếm 8,8% diện tích nuôi nước lợ. Nuôi cá da trơn (chủ yếu là cá tra) thâm canh chiếm 0,57% tổng diện tích nuôi toàn vùng. Nuôi tôm càng xanh kết hợp lúa chiếm 94,9% diện tích nuôi toàn vùng. Giai đoạn 2001-2005, sản lượng nuôi trồng thủy sản vùng đồng bằng sông Cửu Long đạt 3.223.300 tấn, bằng 64,41% của cả nước, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 20,13%/năm. Giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt trên 6,35 tỷ USD, bằng 57,75% của cả nước, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 14,91%/năm. Riêng năm 2006, sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 1.171.000 tấn, bằng 69,1% sản lượng nuôi trồng thủy sản của cả nước; giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt trên 1,98 tỷ USD, bằng 60,1% giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước.

Trong thời gian qua, thực hiện Quyết định số 224/1999/QĐ-TTg ngày 08/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản thời kỳ 1999 – 2010 và Quyết định số 112/2004/QĐ-TTg ngày 23/6/2004 phê duyệt Chương trình phát triển giống thủy sản đến năm 2010, các điều kiện để phát triển nuôi trồng thủy sản đã có những chuyển biến đáng kể; công tác quy hoạch, đào tạo nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ vào nuôi, sản xuất giống thủy sản, cảnh báo môi trường, phòng ngừa dịch bệnh, phát triển cơ sở hạ tầng, huy động vốn đầu tư... đã được quan tâm ở các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương.

2.2 Một số tồn tại, hạn chế chủ yếu:

Tuy nhiên, cùng với sự tăng trưởng về diện tích, sản lượng trong nuôi trồng thủy sản ở đồng bằng sông Cửu Long, những tiềm ẩn, nguy cơ rủi ro cũng đang đe dọa sự phát triển nuôi trồng thủy sản ổn định, bền vững. Một số nguyên nhân, tồn tại chủ yếu có thể như sau:

- Việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất sang nuôi trồng thủy sản là phù hợp song chuyển đổi tốc độ chuyển dịch diễn ra khá nhanh, trong khi công tác quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản, quy hoạch thủy lợi phát triển nuôi trồng thủy sản chưa đáp ứng kịp thời với tốc độ chuyển dịch cơ cấu đất nông nghiệp.

- Công tác điều tra cơ bản về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, đặc biệt là đánh giá về đất và nước...chưa đầy đủ và chuẩn xác.

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ cho phát triển nuôi trồng thủy sản còn hạn chế, chưa thường xuyên. Khả năng tiếp nhận khoa học, công nghệ của đa phần các hộ chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp sang nuôi trồng thủy sản còn hạn chế.

- Công tác đào tạo nguồn nhân lực có được quan tâm nhưng chưa đầy đủ. Lực lượng cán bộ chuyên ngành, lực lượng cán bộ làm công tác khuyến ngư còn mỏng

chưa đáp ứng nhu cầu hướng dẫn kỹ thuật, bồi dưỡng kiến thức cho người dân làm nghề nuôi trồng thủy sản.

- Chính sách về vốn đầu tư cho phát triển nuôi trồng thủy sản chưa đáp ứng tương xứng với tiềm năng phát triển. Chính sách tín dụng chưa phù hợp, người dân trong vùng chuyển đổi đất nông nghiệp phần lớn là nông dân nghèo, thiếu vốn sản xuất, mặc dù ngân hàng có cho vay theo chế độ hiện hành, song với vốn vay 10 triệu đồng không đủ vốn cho đầu tư đào đắp ao nuôi, mua trang thiết bị, con giống thức ăn...

- Cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản, nhất là thủy lợi chưa được đầu tư tương xứng, chưa kịp thời với tốc độ chuyên dịch cơ cấu kinh tế dẫn đến nhiều nơi thiếu nước cho nuôi hoặc nước thải lẫn với nước cấp làm cho nguồn nước bị ô nhiễm, dịch bệnh xảy ra gây thiệt hại cho sản xuất.

Thực tế, do đặc điểm của địa hình và hệ thống sông-kênh dày đặc, chịu ảnh hưởng triều của biển Đông và biển Tây nên các biện pháp thủy lợi cấp nước cho cả mục đích nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản là hết sức khó khăn. Đang có sự tranh chấp giữa các vùng sản xuất nông nghiệp và thủy sản. Giới hạn các vùng ngọt hoá, ổn định mặn, lợi chưa được điều tra xác định đầy đủ. Vì vậy, việc đầu tư các dự án thủy lợi cho vùng này trong những năm gần đây còn hạn chế.

II. Kết quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản

1. Về công tác quy hoạch

Trong những năm qua, ngành Thủy sản đã chú trọng đến công tác quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản vùng đồng bằng sông Cửu Long, trong đó đã quan tâm đến việc quy hoạch thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản vùng bán đảo Cà Mau (đây là vùng được coi là trung tâm phát triển nuôi trồng thủy sản của vùng). Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản là đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức lập quy hoạch đã thực hiện điều tra, nghiên cứu và thiết kế quy hoạch các vùng nuôi, đề xuất các mô hình nuôi trồng thủy sản và hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản.

Cùng với nhiệm vụ nghiên cứu quy hoạch thủy lợi phục vụ phát triển nông nghiệp, các Viện Quy hoạch thủy lợi, Viện Khoa học thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước đây cũng đã nghiên cứu thiết kế hệ thống thủy lợi phục vụ đa mục tiêu, trong đó đã quan tâm đến nghiên cứu hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản ở một số tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long. Những kết quả nghiên cứu này đã được thể hiện ở Quy hoạch bổ sung, điều chỉnh hệ thống thủy lợi vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2006 – 2010 và định hướng đến năm 2020 và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 84/2006/QĐ-TTg ngày 19/4/2006.

Theo đó, hệ thống thủy lợi đồng bằng sông Cửu Long được chia làm 4 vùng chính (Vùng Tứ giác Long Xuyên, vùng bán đảo cà Mau, vùng giữa sông Tiền và sông Hậu và vùng tả sông Tiền), 22 tiểu vùng và 120 khu thủy lợi. Với chương trình ngọt hoá, kiểm soát lũ, hiện tại hệ thống thủy lợi cấp thoát chính của vùng là kênh cấp I và cấp II. Hệ thống này cùng với hệ thống sông rạch tự nhiên đã làm cho đồng bằng sông Cửu Long là vùng sông rạch dày đặc. Nhìn chung hệ thống thủy lợi này, đặc biệt ở vùng ven biển chủ yếu quy hoạch thiết kế cho phát triển nông nghiệp, chủ yếu là cây lúa;

việc kết hợp cho nuôi trồng thủy sản chưa giải quyết được nhiều. Mặt khác, hệ thống thủy lợi hiện tại chưa là hệ thống liên kết liên hoàn từ vùng nuôi trồng thủy sản đến vùng phát triển trồng trọt hay trồng rừng để tạo môi trường sinh thái, mà theo nguyên lý chất thải nuôi trồng thủy sản là nguồn cấp dinh dưỡng cho nông nghiệp và lâm nghiệp, đồng thời nông nghiệp và lâm nghiệp làm vai trò xử lý chất thải cho nuôi trồng thủy sản.

Trong thời gian qua, ứng dụng các mô hình quản lý và thực hành nuôi tốt (BMP, GAP, CoC); ngành Thủy sản đã phối hợp với ngành nông nghiệp tập trung chỉ đạo triển khai xây dựng các quy hoạch vùng nuôi, các chính sách phát triển hệ thống thủy lợi cho vùng nuôi trồng thủy sản, xây dựng quy hoạch nuôi các sản phẩm chủ lực như tôm nước lợ, cá tra..., theo đó, hệ thống thủy lợi nội đồng của các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung đã được nghiên cứu thiết kế quy hoạch là hệ thống cấp thoát nước riêng biệt, có ao lắng và ao xử lý chất thải để đảm bảo nuôi trồng thủy sản bền vững.

2. Các dự án đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản

Triển khai thực hiện Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản theo Quyết định số 224/1999/QĐ-TTg và Chương trình phát triển giống thủy sản theo Quyết định số 112/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trong ngành Thủy sản đã triển khai các dự án đầu tư xây dựng trong danh sách các dự án ưu tiên của Chương trình, như:

- Trung tâm quốc gia giống thủy sản nước ngọt miền Bắc
- Trung tâm quốc gia giống hải sản miền Bắc
- Trung tâm quốc gia giống thủy sản nước ngọt miền Trung
- Trung tâm quốc gia giống hải sản miền Trung
- Trung tâm quốc gia giống thủy sản nước ngọt Nam bộ
- Trung tâm quốc gia giống hải sản Nam bộ
- Vùng sản xuất giống thủy sản tập trung Ninh Vân - Khánh Hoà
- Vùng sản xuất giống thủy sản tập trung Ninh Phước - Ninh Thuận
- Vùng sản xuất giống thủy sản tập trung Hiệp Thành - Bạc Liêu
- Vùng sản xuất giống thủy sản tập trung Ngọc Hiền – Cà Mau
- Khu sản xuất giống thủy sản tập trung Phú Quốc – Kiên Giang
- Khu sản xuất giống thủy sản tập trung Thăng Bình - Quảng Nam

Cùng với việc đầu tư các dự án cấp vùng, tại các địa phương có điều kiện phát triển nuôi trồng thủy sản đã triển khai các dự án đầu tư các trung tâm giống thủy sản nước ngọt cấp I và các trung tâm giống hải sản cấp I và các Trung tâm giống thủy sản của các tỉnh. Riêng các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long đã triển khai các dự án đầu tư xây dựng Trung tâm giống hải sản cấp I tại Cà Mau, Bạc Liêu, Kiên Giang, Trung tâm giống thủy sản nước ngọt cấp I tại tỉnh Cần Thơ, Đồng Tháp.

Kết quả nghiên cứu hệ thống thủy lợi thuộc các dự án nêu trên chủ yếu là hệ thống thủy lợi nội đồng, có các hệ thống kênh cấp nước ngọt, nước mặn, kênh thoát nước thải, ao chứa, ao lắng, ao nuôi và ao xử lý nước thải.

Các dự án đầu tư xây dựng nói trên có vai trò quan trọng cho sự phát triển bền vững nuôi trồng thủy sản. Trong mỗi dự án, chi phí xây dựng hệ thống công trình thủy

lợi (hệ thống kênh, ao, cống...) chiếm 60-70% tổng mức đầu tư của mỗi dự án.

Trong giai đoạn 2001-2005, toàn ngành Thủy sản có 486 dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và sản xuất giống thủy sản; trong đó các dự án đều có nghiên cứu xây dựng hệ thống thủy lợi nội đồng phục vụ nuôi và sản xuất giống thủy sản. Tổng vốn đầu tư các dự án này là 9.670 tỷ đồng, chiếm 31,51% tổng mức đầu tư toàn ngành Thủy sản, tăng 4,15 lần so với thời kỳ 1996 – 2000. Trong đó nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ địa phương là 1.210 tỷ đồng, chiếm 12,52%. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài bao gồm vốn ODA và FDI cho nuôi trồng thủy sản chiếm 9,15%.

III. Một số mô hình thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản.

Thông qua việc nghiên cứu, xây dựng các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và sản xuất giống thủy sản, một số mô hình hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi thủy sản nước ngọt, nước mặn - lợ bền vững đã được nghiên cứu và đang triển khai xây dựng. Trong khuôn khổ báo cáo này, xin giới thiệu một số mô hình sau đây

1. Mô hình nuôi nước ngọt

- Trung tâm quốc gia giống thủy sản nước ngọt Nam Bộ (Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản II)

2. Mô hình nuôi nước mặn, lợ

- Hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Ba Lai - Bến Tre
- Hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Đầm Nại – Ninh Thuận
- Hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Đồng Đơn – Trà Vinh
- Trung tâm quốc gia giống hải sản miền Bắc (Viện NC Nuôi trồng thủy sản I)
- Trại thực nghiệm nuôi trồng thủy sản Quảng Ninh (Trường CD thủy sản)
- Vùng sản xuất giống thủy sản tập trung Ninh Phước – Ninh Thuận

IV. Các giải pháp tổng thể nhằm phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững

1. Về quy hoạch

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 09/2000/NQ-CP ngày 15/6/2000 của Chính phủ về một số chủ trương, chính sách về chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp gắn với công tác quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Tăng cường công tác điều tra cơ bản để xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu cho xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản bảo đảm bền vững.

- Sớm triển khai rà soát, điều chỉnh hoàn thiện các Quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản, Quy hoạch sản xuất và tiêu thụ cá tra, cá ba sa vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trên cơ sở quy hoạch hệ thống thủy lợi của 4 vùng thuộc đồng bằng sông Cửu Long, triển khai rà soát, điều chỉnh quy hoạch hệ thống thủy lợi của 4 vùng này để phục vụ nuôi trồng thủy sản. Trước mắt, rà soát, điều chỉnh Quy hoạch thủy lợi vùng bán đảo Cà Mau, vùng Tứ giác Long Xuyên trong kế hoạch năm 2006 - 2010.

2. Về đào tạo nguồn nhân lực

- Tập trung ưu tiên đào tạo phát triển nguồn nhân lực để tiếp thu, tiếp nhận kỹ thuật, khoa học – công nghệ tiên tiến phục vụ cho nuôi trồng thủy sản, gồm kỹ thuật

xây dựng cơ sở hạ tầng, kỹ thuật sản xuất giống, thức ăn, nuôi trồng, phòng ngừa dịch bệnh, thu hoạch, bảo quản, quản lý môi trường....

- Ưu tiên đầu tư các Trung tâm đào tạo, huấn luyện thực hành, thực tập nghề nuôi trồng thủy sản. Nhanh chóng triển khai xây dựng và hoàn thành Trung tâm huấn luyện chuyển giao công nghệ nuôi trồng thủy sản vùng đồng bằng sông Cửu Long (Do Trung tâm Khuyến ngư quốc gia làm chủ đầu tư) để đưa làm vận hành sử dụng phục vụ công tác đào tạo nguồn nhân lực cho vùng.

3. Về đầu tư cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản

3.1 Đầu tư hoàn thiện hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản; trong đó:

- Tập trung đầu tư hệ thống thủy lợi cho các vùng nuôi tập trung, thâm canh.
- Cần nạo vét và mở rộng các kênh
- Xây dựng hệ thống cấp - thoát nước riêng biệt (kênh cấp 1, cấp 2, cấp 3), tách biệt kênh cấp và thoát nước.
- Cải tạo các công ngăn mặn thành công tự động hai chiều
- Rà soát và xây dựng hệ thống đê bao kiểm soát lũ phù hợp với nuôi trồng thủy sản theo mô hình đắp đê bao hở. Kết hợp xây dựng đê bao với đường giao thông liên hoàn nội vùng nuôi trồng thủy sản
- Cải tạo và xây dựng hệ thống thủy lợi nối kết với các ao nuôi và ruộng lúa, vườn cây để tạo môi trường sinh thái, phát triển bền vững

3.2 Xây dựng hệ thống cấp điện và giao thông dọc theo các sông lớn.

3.3 Tập trung mọi nguồn vốn đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản. Tiếp tục khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư nuôi trồng thủy sản. Tập trung hoàn thành các dự án đầu tư xây dựng vùng sản xuất giống thủy sản tập trung và các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản đã được phê duyệt.

4. Về Khoa học công nghệ

Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ trong điều tra cơ bản, xây dựng kết cấu hạ tầng nuôi trồng thủy sản, công nghệ sản xuất giống và nuôi trồng thủy sản, công nghệ sản xuất thức ăn, chế phẩm sinh học, thuốc thú y bảo vệ, kiểm soát môi trường, bảo quản sau thu hoạch....

Tập trung nghiên cứu phát triển các đối tượng nuôi chủ yếu nhằm tăng sản lượng, đa dạng mặt hàng, tăng giá trị kim ngạch xuất khẩu.

Tăng cường áp dụng các mô hình nuôi thân thiện với môi trường giảm thiểu ô nhiễm môi trường (CoC, GAP...). Chú trọng mô hình nuôi thâm canh tập trung nhằm tạo ra năng suất và sản lượng lớn, đáp ứng công nghiệp hoá, hiện đại hoá và sản xuất hàng hoá lớn phục vụ xuất khẩu.

5. Tổ chức lại sản xuất dựa vào cộng đồng

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi cấp, mọi ngành tham gia quá trình quản lý và sản xuất nuôi trồng thủy sản, bảo vệ môi trường sinh thái, dịch vụ hậu cần....

Nhân rộng các mô hình tổ chức sản xuất kiểu hợp tác xã, tiến tới hình thành các tập đoàn nuôi trồng thủy sản mạnh.

6. Về chính sách

- Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định 224/1999/QĐ-TTg và Quyết định số 112.2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, tiếp tục ưu tiên hỗ trợ vốn ngân sách để đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản, xây dựng cơ sở kết cấu hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản; đồng thời khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển nuôi trồng thủy sản.

- Sớm nghiên cứu các chính sách thuế đối với việc sử dụng các mặt đất và mặt nước phục vụ nuôi trồng thủy sản cho phù hợp với đặc thù của ngành Thủy sản. Nghiên cứu ban hành các chính sách và cơ chế bảo hiểm rủi ro trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản.

V. Kết luận

Nghề nuôi trồng thủy sản có tính đặc thù riêng, đối với đồng bằng sông Cửu Long mặc dù có nhiều tiềm năng nuôi trồng thủy sản, song thực tế cho thấy tiềm ẩn nguy cơ phá vỡ môi trường sinh thái. Việc đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản là việc hết sức cấp bách.

Để phát triển nuôi trồng thủy sản ở vùng đồng bằng sông Cửu Long bảo đảm tương xứng với tiềm năng và bền vững, góp phần hoàn thành thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ngành nông nghiệp nói chung và vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2006-2010 và định hướng đến năm 2020; trước mắt, chúng ta cần tập trung, khẩn trương nghiên cứu, triển khai đồng bộ cả về xây dựng cơ chế chính sách, hoàn thiện quy hoạch thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản, đồng thời ưu tiên vốn đầu tư để đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản, cơ sở đào tạo, huấn luyện, khuyến ngư, các Trung tâm cảnh báo môi trường, phòng ngừa dịch bệnh, các cơ sở quản lý chất lượng an toàn vệ sinh và thú y thủy sản thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Với sự quan tâm, tập trung của mọi cấp, mọi ngành cho phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững, nhất định thủy sản vùng đồng bằng sông Cửu Long sẽ tiếp tục tăng trưởng, góp phần xứng đáng vào sự tăng trưởng kinh tế chung của ngành Nông nghiệp nói riêng và cả nước nói chung./.

CỤC QUẢN LÝ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH